

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHIÊM HOÁ  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2022

V/v “Yêu cầu xác định cha cho con,  
tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Bích Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Tường Thị Thu.

2. Bà Triệu Thị Yên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 197/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “Xác định cha cho con, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022; Quyết định thay đổi thời gian xét xử phiên tòa vụ án Dân sự số 01/2022/QĐ-TA ngày 06/5/2022. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thanh T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt phiên tòa).

Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố V2, thị trấn V1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thanh T trình bày:

Vào năm 2010 chị Ngô Thanh T và anh Trần Văn T1 có quan hệ tình cảm với nhau, chung sống với nhau từ năm 2010 tại nhà riêng của chị T ở tổ V, thị

trần V1, huyện C nhưng không đăng ký kết hôn, không tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Đến năm 2011 chị T sinh cháu Trần Anh D, sinh ngày 30/01/2011. Ngày 18/5/2011 chị T và anh T1 đã đến UBND thị trấn V1 để làm giấy khai sinh cho cháu D. Anh T1 cũng đã ghi trong giấy khai sinh là bố đẻ của cháu D, chị T đồng ý cho cháu D mang họ của anh T1. Thời gian đầu chị và anh T1 sống hòa thuận cùng cháu D. Đến khoảng tháng 02/2012 anh T1 đã bỏ đi quan hệ với người khác sau đó lấy vợ. Từ ngày anh T1 bỏ đi, anh T1 không quan tâm chăm sóc cũng như nuôi dưỡng cháu D. Chị T xác định trong thời gian chung sống với anh T1, chị T không quan hệ với bất cứ ai, nên xác định cháu D chính là con ruột của anh T1. Chị T có đơn đề nghị Tòa án xác nhận anh T1 là cha của cháu Trần Anh D, đề nghị anh T1 phải có trách nhiệm nuôi cháu D theo quy định của pháp luật và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng với mức tiền cấp dưỡng là 4.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị T cung cấp hiện nay anh T1 đang làm công việc chạy xe khách, là xe chính chủ của anh T1 chạy tuyến C- Hà Giang biển số 23B.00283. Tham gia vào hợp tác xã vận tải Trần Phú- tỉnh Hà Giang. Chị T không biết được mức thu nhập cụ thể của anh T1 nên yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh mức thu nhập của anh T1. Ngoài ra chị T còn có đơn yêu cầu Tòa án giám định gen ADN, đơn yêu cầu giám định chữ viết trong tờ khai đăng ký việc nhận con tại UBND thị trấn V1 và có đơn đề nghị anh T1 hoàn trả số tiền chi phí giám định mà chị T đã nộp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã T1 hành mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật chị T và anh T1 đến Tòa án làm việc nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trả lời cho tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thanh T về việc xác định cháu Trần Anh D là con của anh T1, cũng như trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã đến nơi cư trú của anh Trần Văn T1 để làm việc nhưng anh T1 không hợp tác làm việc nên Tòa án nhân dân huyện C không lấy được lời khai, không T1 hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Anh T1 đã được triệu tập 02 lần đi giám định gen nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xác định anh Trần Văn T1 là cha của cháu Trần Anh D, sinh ngày 30/01/2011, yêu cầu anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu D số tiền 4.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2022, yêu cầu anh T1 hoàn trả số tiền tạm ứng giám định chữ viết, đề nghị anh T1 phải nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 14, 15, 88, 101, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật

hôn nhân và gia đình; khoản 4, khoản 5 Điều 28, các Điều 91, 147, 160, 161, 162, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*xác định cha cho con, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con*” của chị Ngô Thanh T: Xác định cháu Trần Anh D là con của anh Trần Văn T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Anh D, sinh ngày 30/01/2011 số tiền 1.000.000đ đến 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 hằng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2022.

Buộc anh Trần Văn T1 hoàn trả số tiền chị Ngô Thanh T nộp tạm ứng chi phí giám định chữ viết là 3.870.000đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Anh T1 phải chịu nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định.

Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con, án phí xác định cha cho con theo quy định, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Ngô Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết xác định cha cho con với anh Trần Văn T1; Anh Trần Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố V2, thị trấn V1 huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 4, khoản 5 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Xác định cha cho con, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Trần Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố V2, thị trấn V1 huyện C tỉnh Tuyên Quang. Anh T1 làm nghề lái xe khách tuyến Hà Giang – Tuyên Quang, buổi sáng đi buổi chiều về. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định trưng cầu giám định chữ viết; Quyết định trưng cầu giám định AND cho anh T1 nhưng anh T1 không nhận, gia đình anh T1 không nhận thay, Tòa án nhân dân huyện C đã niêm yết theo quy định, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung vắng mặt bị đơn, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án áp dụng các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp của vụ án:

Chị T cho rằng giữa chị và anh T1 có quan hệ tình cảm và sống chung với nhau từ năm 2010 đến ngày 30/01/2011 thì sinh cháu Trần Anh D, đến năm 2012 thì không sống chung với nhau nữa. Tại bản xác minh ngày 12/01/2022 tại UBND thị trấn V1 vào ngày 17/5/2011 anh Trần Văn T1 có đến UBND thị trấn V1 làm việc yêu cầu UBND thị trấn làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu Trần Anh D, sinh ngày 30/01/2011. Do anh T1 và chị T không có đăng ký kết hôn, nên anh T1 tự khai nhận trong tờ khai đăng ký việc nhận con là bố đẻ của cháu Trần Anh D, sinh ngày 30/01/2011, còn mẹ đẻ là chị Ngô Thanh T trú tại thị trấn V1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang được thể hiện tại sổ lưu trữ của UBND thị trấn quyền số 01, giấy khai sinh số 118/2011. Tại biên bản làm việc với cán bộ Công an thị trấn V1 đã cung cấp: không có tên anh Trần Văn T1 đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú tại hộ chị Ngô Thanh T, sinh năm 1971 trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2011.

Tại biên bản xác minh ngày 13/01/2022 với công dân sinh sống gần nhà chị Ngô Thanh T tại tổ dân phố A1 (nay là tổ dân phố V), thị trấn V1 huyện C cho biết năm 2010 có thấy anh Trần Văn T1 đến sinh sống tại nhà chị Ngô Thanh T, có qua lại ở với nhau nhưng không thường xuyên. Đến năm 2012 anh T1 không qua lại ở nhà chị T nữa. Trong thời gian chị T anh T1 qua lại với nhau thì chị T có sinh được một người con trai tên Trần Anh D, sinh ngày 30/01/2011.

Do anh Trần Văn T1 không hợp tác cung cấp mẫu giám định ADN theo quyết định giám trưng cầu giám định của tòa án, cố tình né tránh và không có ý kiến trả lời cho tòa án biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh anh T1 không phải cha của cháu D, nên căn cứ vào các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ý kiến trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định cháu Trần Anh D là con của anh Trần Văn T1 vì chị T và anh T1 có quan hệ tình cảm trong thời gian dài, chị Ngô Thanh T đã chấp nhận ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của mình để khẳng định cháu Trần Anh D là con ruột của anh Trần Văn T1, nhưng ngược lại anh T1 đã né tránh, không hợp tác với tòa khi được triệu tập để lấy mẫu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa anh T1 và cháu D.

Anh Trần Văn T1 đã tự khai nhận tại tờ khai đăng ký việc nhận con ngày 17/5/2011 khai nhận cháu Trần Anh D là con của anh T1. Tòa án đã T1 hành giám định chữ viết theo quy định, Tại kết luận giám định chữ viết số 332/GĐ-KTHS ngày 10/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ số và chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu M1 (Trừ chữ viết, chữ số, chữ ký đứng tên Ngô Thanh T dưới mục “Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha”) với chữ số, chữ viết đứng tên Trần Văn T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4, M5, M6 là do cùng một người viết.

Mặc dù không có căn cứ khoa học để xác định quan hệ huyết thống giữa anh T1 và cháu D, nhưng việc không T1 hành giám định ADN được là do lỗi của anh T1 cố tình né tránh và không hợp tác để giám định, nên anh T1 phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Trần Văn T1 là cha của cháu Trần Anh D.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Qua xác minh anh T1 hiện nay có nghề nghiệp chính là lái xe theo hợp đồng lao động không thời hạn với Hợp tác xã vận tải Trần Phú, mức tiền công 6.000.000đ/01 tháng. Tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Trần Văn T1 cấp dưỡng 4.000.000đ/tháng là quá cao so với thu nhập của anh T1 và mức cấp dưỡng thực tế tại địa phương. Căn cứ vào mức thu nhập của anh T1 và thu nhập bình quân của người lao động tự do trên địa bàn thị trấn Vĩnh Lộc, huyện C, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 14, 15, 88, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình buộc anh Trần Văn T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Anh D, sinh ngày 30/01/2011 số tiền 1.200.000đ/01 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 hằng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2022.

[4] *Về chi phí giám định:* Chị Ngô Thanh T yêu cầu anh Trần Văn T1 hoàn trả số tiền tạm ứng giám định chữ viết là 3.870.000đ theo giấy biên nhận thu tiền bồi dưỡng giám định ngày 10/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, do yêu cầu xác định cha cho con của chị T được chấp nhận, nên căn cứ các Điều 160, 161, 162 buộc anh Trần Văn T1 phải hoàn trả cho chị Ngô Thanh T số tiền tạm ứng lệ phí giám định chữ viết là 3.870.000đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Áp dụng các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Trần Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Xác nhận cha cho con) là 300.000đ, án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 160, 161, 162, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 88, 101, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Xác định cha cho con”, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” của chị Ngô Thanh T.

1. Xác định anh Trần Văn T1 là cha của cháu Trần Anh D, sinh ngày 30/01/2011.

Anh Trần Văn T1 được quyền thăm nom cháu Trần Anh D mà không ai được cản trở.

2. Về cấp dưỡng nuôi con : Buộc anh Trần Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Anh D, sinh ngày 30/01/2011 số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng)/01 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 hằng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2022.

3. Về chi phí giám định: Buộc anh Trần Văn T1 phải hoàn trả cho chị Ngô Thanh T số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết là 3.870.000đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và đến thời hạn thanh toán (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền (tiền cấp dưỡng nuôi con, tiền lệ phí giám định), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Xác nhận cha cho con) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Ngô Thanh T không phải nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Thị Bích Ngọc**







